

Số : 044/CV/IFS/2023

Đồng Nai, ngày 19 tháng 04 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

(V/v: Giải trình báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 1 năm 2023)

Trước hết chúng tôi xin gửi lời cảm ơn sự hỗ trợ của Quý cơ quan trong suốt thời gian qua.

Chúng tôi xin gửi báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong Quý 1 năm 2023 như sau:

ĐVT: Ngân VND

| Các chỉ tiêu | Quý 1 năm 2023 | Quý 1 năm 2022 | Thay đổi | Lũy kế Quý 1 năm 2023 | Lũy kế Quý 1 năm 2022 | Thay đổi |
|------------------------------------|--------------------|--------------------|------------|-----------------------|-----------------------|------------|
| Tổng doanh thu | 421,593,769 | 356,286,029 | 18% | 421,593,769 | 356,286,029 | 18% |
| Các khoản giảm trừ | 26,396,488 | 20,609,210 | 28% | 26,396,488 | 20,609,210 | 28% |
| <i>% Giảm trừ doanh thu</i> | 6% | 6% | | 6% | 6% | |
| Doanh thu thuần | 395,197,281 | 335,676,819 | 18% | 395,197,281 | 335,676,819 | 18% |
| Giá vốn hàng bán | 268,041,855 | 226,283,013 | 18% | 268,041,855 | 226,283,013 | 18% |
| <i>% Giá vốn hàng bán</i> | 68% | 67% | | 68% | 67% | |
| Lợi nhuận gộp | 127,155,426 | 109,393,806 | 16% | 127,155,426 | 109,393,806 | 16% |
| <i>% Lợi nhuận gộp</i> | 32% | 33% | | 32% | 33% | |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 10,312,352 | 3,183,896 | 224% | 10,312,352 | 3,183,896 | 224% |
| Chi phí tài chính | 58,653 | (22,819) | -357% | 58,653 | (22,819) | -357% |
| <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | - | - | | - | - | |
| Chi phí bán hàng | 86,660,145 | 67,970,663 | 27% | 86,660,145 | 67,970,663 | 27% |
| <i>% Chi phí bán hàng</i> | 22% | 20% | | 22% | 20% | |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 9,063,556 | 7,905,926 | 15% | 9,063,556 | 7,905,926 | 15% |
| Lãi từ hoạt động kinh doanh | 41,685,424 | 36,723,932 | 14% | 41,685,424 | 36,723,932 | 14% |
| Thu nhập khác | 62,470 | 152,696 | -59% | 62,470 | 152,696 | -59% |
| Chi phí khác | 143,097 | 930,767 | -85% | 143,097 | 930,767 | -85% |
| Tổng lợi nhuận trước thuế | 41,604,797 | 35,945,861 | 16% | 41,604,797 | 35,945,861 | 16% |
| CP thuế TN hiện hành | 7,436,893 | 7,936,684 | -6% | 7,436,893 | 7,936,684 | -6% |
| CP thuế TN hoãn lại | 4,629,059 | (53,601) | -8736% | 4,629,059 | (53,601) | -8736% |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 29,538,845 | 28,062,778 | 5% | 29,538,845 | 28,062,778 | 5% |
| <i>% Lợi nhuận sau thuế</i> | 7% | 8% | | 7% | 8% | |

Quý 1 năm 2023 khởi điểm cho giai đoạn Công ty chuyển đổi từ trạng thái phục hồi sang giai đoạn Tăng trưởng bền vững hậu Covid. Kết quả doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế đều vượt qua số cùng kỳ năm ngoái lần lượt là 18% và 16%.

Trong quý Công ty tiếp tục thực hiện các chiến lược tiếp thị hiệu quả, tập trung các thương hiệu ưu tiên và tiếp tục lan tỏa chức năng đóng góp sức khỏe cho người tiêu dùng của các dòng sản phẩm chiến lược. Kết quả tổng doanh thu bán hàng tăng vượt hơn 18% so với cùng kỳ năm ngoái.

Chi phí giá vốn hàng bán Quý 1 năm 2023 tăng chiếm 68% tỷ trọng doanh thu thuần so với cùng kỳ năm ngoái là 67%. Nguyên nhân là do trong quý này một vài nguyên vật liệu tăng giá, tuy nhiên do sản lượng thành phẩm sản xuất tăng cao nên làm giảm sự ảnh hưởng của tăng giá thành với tỷ lệ tăng là không đáng kể.

Doanh thu hoạt động tài chính tăng do trong kỳ này Công ty tiếp tục duy trì khoản tiền gửi ngắn hạn 700 tỷ đồng tại một ngân hàng có lãi suất cao hơn cùng kỳ.

Trong Quý 1-2023 công ty tiếp tục thực hiện các chiến dịch truyền thông quảng bá sản phẩm để thúc đẩy tăng trưởng doanh số, cộng với tác động từ tăng cường chi phí hỗ trợ bán hàng và tăng giá chi phí vận chuyển dẫn đến tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu thuần tăng lên mức 22% cao hơn 2% số cùng kỳ năm ngoái.

Chi phí quản lý doanh nghiệp duy trì mức ổn định 2.3 %, so với 2.4% số cùng kỳ năm ngoái.

Trên đây là một số giải trình kết quả hoạt động kinh doanh Quý 1 năm 2023.

Trân trọng cảm ơn.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Đã ký và đóng dấu)

Daisuke Hattori
Tổng Giám đốc